TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 10/2018/DS-PT
Ngày: 18-01-2018
Về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cầm cố và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất cầm cố và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 740/2017/QĐPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Hữu Ngh; Địa chỉ cư trú: khu vực TQ, phường TH, Quận TN, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ cư trú: 597/60/38 QT, Phường 10, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17/3/2016 – có mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị Ng, Ông Lê Văn Th, Bà Võ Thị Nh; Cùng địa chỉ cư trú: khu vực TP, phường TH, Quận TN, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Trịnh Văn B; Địa chỉ cư trú: 203 ấp TL, xã TT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2016 – có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà NLQ1

2/ Ông NLQ2

Người đại diện hợp pháp của bà NLQ1, ông NLQ2: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ cư trú: 597/60/38 QT, Phường 10, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17/3/2016 – có mặt).

3/ Bà NLQ3; Địa chỉ cư trú: khu vực TQ, phường TH, Quận TN, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Võ Hữu Ngh là nguyên đơn; các ông bà NLQ1, NLQ2, NLQ3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2015 của ông Võ Hữu Ngh và quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Văn Kh là người đại diện nguyên đơn trình bày:

Hai phần đất trồng lúa có diện tích 6.045 m^2, thuộc thửa số 669 và 4.271m^2, thuộc thửa 668, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp TP 1, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00284 do UBND huyện TN cấp ngày 19/8/1998), có nguồn gốc của cha mẹ ông Võ Hữu Ngh để lại cho ông.

Từ năm 1987 đến năm 1991 do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông Ngh có mượn của bà Võ Thị Ng 06 chỉ vàng 24k và 300.000 đồng (tương đương 1 chỉ vàng 24k), mượn của bà Võ Thị Nh 06 chỉ vàng 24k. Do không có khả năng trả nợ nên ông Ngh giao cho bà Ng phần đất thuộc thửa 669 và giao cho bà Nh phần đất thuộc thửa 668 để canh tác. Các bên có thỏa thuận miệng, khi nào ông Ngh trả đủ vàng thì bà Nh và bà Ng trả lại đất.

Năm 2011, ông Ngh đề nghị bà Nh, bà Ng trả lại đất và ông sẽ trả lại số tiền, vàng đã mượn, nhưng hai bà không đồng ý. Nay ông Ngh khởi kiện yêu cầu, bà Ng trả lại phần đất diện tích 6.045m^2 thuộc thửa đất số 669 và bà Nh trả lại phần đất diện tích 4.271m^2 thuộc thửa đất số 668.

Sau khi tòa án tiến hành đo đạc diện tích thực tế ông Ngh yêu cầu bà Nh và bà Ng trả lại đất cho ông theo bản trích đo địa chính ngày 19/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

Tại đơn phản tố ngày 20/01/2016 của bà Võ Thị Ng, ông Lê Văn Th và quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Văn B là người đại diện bị đơn trình bày:

Bà Ng, ông Th thừa nhận nguồn gốc đất là của cha mẹ bà Ng để lại cho ông Ngh. Ngày 30/4/1991, bằng giấy tay, ông Ngh, bà NLQ1 và con là Võ Thanh T đã bán phần đất thuộc thửa 668 cho ông Th với giá 03 lượng vàng 24K. Các bên không tiến hành thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

Bà Ng, ông Th đã canh tác từ năm 1991 đến nay. Trong quá trình bà Nh, ông Th canh tác thì ông Ngh đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để

vay tiền tại Ngân hàng PN số tiền 7.000.000 đồng. Bà Ng, ông Th, bà Nh đã trả tiền cho Ngân hàng, phần tiền này là mua phần đất dư của ông Ngh. Ông Th, bà Ng đã trả cho ngân hàng số tiền 4.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngh.

Ông Th, bà Ng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ngh, không đồng ý trả lại đất cho ông Ngh mà yêu cầu hộ ông Ngh phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 30/4/1991 có diện tích 5 công rưỡi tầm ba thước thuộc thửa 668, 669.

Tại đơn phản tố ngày 20/01/2016 của bà Võ Thị Nh và quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Văn B là người đại diện bị đơn trình bày:

Bà Nh thừa nhận nguồn gốc đất là của cha mẹ bà để lại cho ông Ngh. Bà đã mua đất của ông Ngh từ năm 1987 đến nay. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngh yêu cầu trả lại đất và đồng ý trả vàng cho bà.

Do đất nằm cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Ng đang giữ, do là anh em ruột nên các bên không tiến hành thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

Trong quá trình bà Nh canh tác thì ông Ngh đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng PN số tiền 7.000.000 đồng vào năm 2005. Bà Ng, ông Th, bà Nh đã trả tiền cho ngân hàng, phần tiền này là mua phần đất dư của ông Ngh. Bà Nh đã trả cho ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng vào năm 2005 để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông Th, bà Ng đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Hữu Ngh vì 02 phần đất cùng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà có đơn phản tố yêu cầu hộ ông Võ Hữu Ngh thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 30/4/1991 có diện tích 3.271m^2 thuộc một phần thửa 668, tờ 04 tọa lạc tại Ấp TP 1, xã TH, H. CĐ, TP. Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00284 do UBND huyện TN (cũ) cấp ngày 19/8/1998.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2017 đại diện bị đơn yêu cầu nguyên đơn sang tên quyền sử dụng đất cho bị đơn. Nếu nguyên đơn muốn chuộc lại đất thì yêu cầu nguyên đơn trả giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

Phần diện tích đo đạc thực tế có dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là do lắp kênh nên phần đất dư nguyên đơn đã thoản thuận bán cho các bị đơn và cấn trừ phần tiền các bị đơn trả cho ngân hàng PN 7.000.000 đồng vào năm 2005 mà ông Ngh đã vay của ngân hàng.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Khuyển trình bày: Bà NLQ1, ông NLQ2, bà NLQ3 thống nhất trình bày của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 147, 157, 273 Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 221, 223, 309, 500 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Hữu Ngh về việc:

- Bà Võ Thị Ng trả lại phần đất diện tích tích 8.611,1m^2 (đất lúa), thửa đất số 669, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại Ấp TP 1, xã TH, H. CĐ, TP. Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00284 do UBND huyện TN (cũ) cấp ngày 19/8/1998 và ông trả lại cho bà Ng 7 chỉ vàng 24k do không đủ cơ sở.

- Bà Võ Thị Nh trả lại phần đất diện tích 4.271m^2 (đất lúa), thửa đất số 668, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại Ấp TP 1, xã TH, H. CĐ, TP. Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00284 do UBND huyện TN (cũ) cấp ngày 19/8/1998 và ông trả lại cho bà Nh 6 chỉ vàng 24k do không đủ cơ sở.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Ng, ông Lê Văn Th.

Buộc hộ ông Võ Hữu Ngh tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Võ Thị Ng, ông Lê Văn Th có diện tích 8.611,1m^2 (đất lúa), thửa đất số 669, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại Ấp TP 1, xã TH, H. CĐ, TP. Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00284 do UBND huyện TN (cũ) cấp ngày 19/8/1998. Các đương sự phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Diện tích đất chênh lệch so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ngh được cấp là 2.243.4m^2 và diện tích đất kênh thủy lợi đã san lấp 322,7m^2, Ông Th, bà Ng làm các thủ tục điều chỉnh theo quy định của pháp luật (Có biên bản đo đạc bản trích đo địa chính ngày 06/10/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên & Môi trường TP. Cần Thơ kèm theo).

3/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Nh.

Buộc hộ ông Võ Hữu Ngh tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Võ Thị Nh có diện tích 4.271m^2 (đất lúa), tại thửa đất số 668, tờ bản đồ 04 tọa lạc tại Ấp TP 1, xã TH, H. CĐ, TP. Cần Thơ (Có biên bản đo đạc bản trích đo địa chính ngày 06/10/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên & Môi trường TP. Cần Thơ kèm theo). Các đương sự phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Hữu Ngh phải chịu 2.257.450 đồng. Khấu trừ 16.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000828 ngày 15/7/2015 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Võ Hữu Ngh được nhận lại 14.142.550 đồng.

Bà Võ Thị Ng, ông Lê Văn Th được nhận lại số tiền 5.724.000 đồng theo biên lai thu số 000930 ngày 02/02/2016 của Cục thi hành án dân sự TP. Cần Thơ.

Bà Võ Thị Nh được nhận lại số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 000930 ngày 02/02/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5/ Về chi phí định giá, đo đạc ông Võ Hữu Ngh phải chịu 10.383.700 đồng và lệ phí ủy thác tư pháp 150.000 đồng ông Ngh phải chịu và đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các quy định về thi hành án, về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2017, các ông bà Võ Hữu Ngh, NLQ1, NLQ2 và NLQ3 nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Lý do kháng cáo mà các đương sự đưa ra là, bản án án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các chứng cứ, nhân chứng trong vụ án. Các ông bà nêu trên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại hai phần đất đã cầm cố trước đây.

Ngày 23/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 13/QĐ-KNPT-VC3, kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, theo hướng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Lý do kháng nghị là:

1/ Về thủ tục tố tụng: Theo Tờ mua bán đất lập ngày 30/4/1991 thì bên người bán, có chữ ký của ông Võ Thanh T là con trai của ông Ngh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/8/1998 của UBND huyện TN (cũ) thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp cho hộ ông Ngh. Các đương sự đều xác định đất được giao năm 1991, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ngh năm 1998, trong lúc bà Ng và bà Nh đang quản lý, sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông T, UBND huyện TN (nay là UBND huyện CĐ); chưa làm rõ hộ ông Ngh tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm những thành viên nào, để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vì sao việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 330/GCNRĐTH ngày 03/9/1990 của UBND huyện TN (cũ) cho hộ ông Ngh và sau đó cấp lại giấy chứng nhận số 284/QSDĐ ngày 19/8/1998 chưa hết diện tích, còn thừa 2.566,1 m^2. Tờ mua bán đất ngày 30/4/1991, thể hiện ông Ngh bán cho ông Th 3 công tầm rưỡi (tức 7.128 m^2), nhưng bản án sơ thẩm buộc ông Ngh tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 8.611,1 m^2 là không có căn cứ. Ngoài ra, bà Nh khai mua đất của ông Ngh từ năm 1987, ông Lâm Văn Kh xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngh vào năm 1998 là có đo đạc thực tế, nhưng hồ sơ không thể hiện các tài liệu này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H (là người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Võ Hữu Ngh, NLQ1, NLQ2), bà NLQ3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Ông H, bà NLQ3 cho rằng bản chất của vụ án là việc ông Ngh cầm cố đất cho bà Nh, bà Ng chứ không phải mua bán. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ

thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lâm Văn Kh là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-KNPT-VC3 ngày 23/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại Tờ mua bán đất lập ngày 30/4/1991 thì bên người bán, ngoài ông Ngh và bà Ch ra, còn có chữ ký của ông Võ Thanh T là con trai của ông Ngh, bà Ch. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 284/QSDĐ ngày 19/8/1998 của UBND huyện TN, thì toàn bộ diện tích đất mà các đương sự chuyển nhượng được cấp cho hộ ông Ngh. Các đương sự đều xác định đất được giao năm 1991, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ngh năm 1998, trong lúc bà Ng và bà Nh đang quản lý, sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông T, UBND huyện TN (nay là UBND huyện CĐ); chưa làm rõ hộ ông Ngh tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm những thành viên nào, để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Theo các đương sự trình bày thì ông Ngh bán cho ông Th, bà Ng 5 công rưỡi tầm 3 thước, tức 7.128 m^2, nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông Ngh tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 8.611,1 m^2, mà chưa điều tra làm rõ diện tích dôi dư từ đâu mà có, thuộc thửa nào, do ai đăng ký, sử dụng, có thuộc hành lang bảo vệ kênh rạch không, có được xem xét để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hay không. Mặt khác, bà Nh khai mua đất của ông Ngh từ năm 1987; ông Lâm Văn Kh khai việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngh vào năm 1998 là có đo đạc thực tế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp và chưa thu thập các tài liệu này.

Xét thấy, bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; chưa điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, chưa làm rõ những mâu thuẫn trong vụ án, mà những thiếu sót này không thể bổ sung, khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để chấp nhận. Cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Đề nghị của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để chấp nhận.

Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 309, Điều 310 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Võ Hữu Ngh, NLQ1, NLQ2 và NLQ3.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-KNPT-VC3 ngày 23/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho các ông bà Võ Hữu Ngh, NLQ1, NLQ2 và NLQ3, mỗi người 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo các biên lai thu số 261, 262, 263 và 264 cùng ngày 09/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cân Thơ;
- NĐ(1)
- BĐ (3)
- NLQ(3)
- Lưu(3), 15b (Án22).